

## cheat sheet CHƯƠNG 2: Biến – Biểu thức – Câu lệnh

### 1. Hằng số (Constants)

1. Giá trị cố định, không thay đổi.
2. Số: 123, 98.6
3. Chuỗi: 'Hello', "World"

### 2. Biến (Variables)

1. Là nơi lưu giá trị trong bộ nhớ.
2. Gán giá trị bằng dấu =.
3. Quy tắc đặt tên biến
  - Dùng chữ, số, \_
  - Không bắt đầu bằng số
  - Phân biệt hoa/thường
  - Không dùng từ khóa Python

### 3. Từ khóa (Reserved Words)

Không được dùng làm tên biến:  
and, or, not, if, else, for, while,  
break, continue, import, return,  
def, class, ...

### 4. Câu lệnh gán (Assignment Statement)

1. Bên phải là biểu thức
2. Python tính biểu thức → gán kết quả cho biến

### 5. Biểu thức số học (Numeric Expressions)

1. Nhân: dùng \*  
Ví dụ:  $3 * 4$
2. Chia: dùng /  
Ví dụ:  $10 / 2$
3. Lũy thừa: dùng \*\*  
Ví dụ:  $2 ** 3$  (bằng 8)
4. Chia lấy dư: dùng %  
Ví dụ:  $23 \% 5$  (bằng 3)

### 7. Chia nguyên & chia thực

1. Python 3: / luôn cho float  
 $9 / 2 \# 4.5$   
 $10 / 2 \# 5.0$

### 6. Thứ tự ưu tiên toán tử

1. ()
2. \*\*
3. \*, /, %
4. +, -

### 8. Kiểu dữ liệu (Data Types)

1. int – số nguyên
2. float – số thực
3. str – chuỗi
4. bool – True/False
5. list, tuple ...

### 9. Ép kiểu (Type Conversion)

1. int(), float(), str()  
 $\text{float}(99) \# 99.0$   
 $\text{int}("123") \#$   
 $123$   $\text{int}("hello") \# \text{lỗi}$